UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /2017/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 10 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cơ chế thực hiện đầu tư công trình đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năn 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Khóa XIII về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-UBDT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Uỷ ban Dân về Quy định chi tiết thực hiện dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định trình tự, thủ tục soạn thảo

ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế thực hiện đầu tư công trình đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định cơ chế về thực hiện công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Uỷ ban Dân tộc;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP: CVP, các PCVP UBND tỉnh, CV;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Cơ chế thực hiện đầu tư công trình đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 -2020 có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (gọi tắt là dự án nhóm C quy mô nhỏ) được thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Trường hợp thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ vật liệu thì thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 -2020.

3. Những nội dung khác không quy định trong Quy định này, áp dụng theo quy định pháp luật về xây dựng.

Điều 2. Tiêu chí dự án nhóm C quy mô nhỏ

Dự án là dự án nhóm C quy mô nhỏ theo quy định của Khoản 1, Điều 1, quy định này phải đảm bảo các tiêu chí sau:

1. Thuộc nội dung đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

2. Tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng.

3. Dự án nằm trên địa bàn 01 xã và do UBND xã quản lý.

4. Kỹ thuật không phức tạp và có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.

5. Sử dụng một phần ngân sách Nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, mức huy động nhân dân đóng góp và các nguồn khác phải đảm bảo mức tối thiểu theo quy định tại

điểm b, mục 4, Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020.

6. Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do UBND tỉnh ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện đầu tư

1. Việc lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư của từng công trình do chính người dân địa phương bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định trên cơ sở các quy chuẩn của Nhà nước, khả năng huy động nguồn lực đầu tư.

2. Mặt bằng xây dựng công trình do nhân dân địa phương vùng hưởng lợi đóng góp (không dùng ngân sách Nhà nước thực hiện).

3. Kế thừa và lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

4. Việc lựa chọn, áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình (do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành) phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng công trình cụ thể; không áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình có kỹ thuật phức tạp, mang tính nghệ thuật cao (mặc dù qui mô vốn đầu tư dưới 05 tỷ đồng).

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Lập, đề xuất và phê duyệt danh mục đầu tư công trình cấp xã

1. Trình tự lập kế hoạch đầu tư hàng năm thực hiện theo quy trình chung của lập kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sau khi kế hoạch được duyệt, UBND cấp huyện lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư toàn bộ công trình (không lập riêng từng công trình) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở ngành có liên quan tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn (thẩm định 01 lần theo quy trình rút gọn).

4. Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện, thành phố chỉnh sửa lại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

5. UBND cấp huyện căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương của tỉnh, hướng dẫn các xã thực hiện phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.

Điều 5. Lập hồ sơ xây dựng công trình

1. Hồ sơ công trình: Các danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 thuộc dự án nhóm C quy mô nhỏ, áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (gọi tắt là hồ sơ xây dựng công trình) thay cho Báo cáo Kinh tế – Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

2. Ban quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (gọi tắt là Ban quản lý) xã có trách nhiệm lập hồ sơ xây dựng công trình;

3. Đối với các công trình theo tuyến (Đường giao thông; Mương thủy lợi; Công trình nước sinh hoạt tập trung): Hồ sơ không có bản vẽ chi tiết, chỉ có mặt cắt điển hình các kích thước cơ bản, có sơ họa mặt bằng (thể hiện được chiều dài, chiều rộng của cấu kiện).

- Khối lượng được xác định trên cơ sở đo đạc và tính toán tương đối (căn cứ theo thiết kế mẫu).

- Xác định đơn giá để mua vật liệu và thực hiện công việc: Đơn giá vật tư, vật liệu được tính toán đến hiện trường xây dựng của từng công trình (căn cứ vào giá gốc đã được liên Sở Xây dựng – Sở Tài chính công bố, được bổ sung giá cước vận chuyển tính theo quy định hiện hành tại từng thời điểm). Trong trường hợp Ban quản lý dự án các xã, thị trấn không tính toán được thì phòng chuyên môn của huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn hoặc tính toán giúp.

4. Hồ sơ xây dựng công trình trước khi được UBND xã phê duyệt cần được cơ quan chuyên môn của huyện thẩm định sự phù hợp và tính khả thi của công trình.

5. Chủ tịch UBND xã ra quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình. *(Số lượng hồ sơ sau khi phê duyệt là 07 bộ; gửi các cơ quan liên quan).*

6. Trường hợp Ban quản lý xã chưa đủ năng lực, UBND xã có văn bản đề nghị UBND huyện, thành phố giao nhiệm vụ cho phòng chuyên môn cử cán bộ hỗ trợ cấp xã để thực hiện các nội dung riêng lẻ như khảo sát, lập dự toán, điều chỉnh bản vẽ thiết kế phù hợp đặc thù địa bàn, hoặc lập toàn bộ hồ sơ xây dựng công trình, hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện, với mức kinh phí được quy định tại khoản 2, Điều 6 của Quy định này.

7. Nội dung của hồ sơ xây dựng công trình.

a) Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm đầu tư, chủ đầu tư, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, thời gian thực hiện.

b) Bản vẽ thi công áp dụng theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình được UBND tỉnh ban hành.

c) Dự toán đầu tư công trình: (Theo phụ lục số 01 đính kèm Quy định này)

- Bảng tổng hợp kinh phí, bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng *(chi phí nhà nước đầu tư + chi phí đóng góp của nhân dân, huy động khác)*; Chi phí quản lý dự án; Chi phí hỗ trợ tư vấn *(chi phí khảo sát (nếu có) + chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình)*; Chi phí khác *(chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình + chi phí thẩm tra hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành)* theo Biểu mẫu số 01/DT.

- Bảng dự toán chi tiết các chi phí theo Biểu mẫu số 02/DT.

d) Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

8. Sau khi lập hồ sơ xây dựng công trình, Ban quản lý xã tổ chức họp và lấy ý kiến của người dân trong xã (có biên bản họp), thống nhất về các nội dung của hồ sơ xây dựng công trình, như: Quy mô xây dựng; Thời gian thực hiện; Đơn giá xây dựng; Kinh phí hỗ trợ và các khoản đóng góp của người dân.v.v.;

Ban quản lý xã hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng công trình theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp dân, gửi cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt.

Điều 6. Chi phí hỗ trợ và chuẩn bị thực hiện dự án

1. Chi phí quản lý dự án ($\mathbf{C_{QLDA}}$) trong tổng mức đầu tư xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng ($\mathbf{C_{XD}}$) và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được duyệt.

$$\mathbf{C_{QLDA} = C_{XD} * N_t}$$

Trong đó:

- C_{QLDA}: Chi phí quản lý dự án

- C_{XD}: Chi phí xây dựng công trình

- N_t : Định mức chi phí quản lý dự án, được quy định cụ thể như sau: *(công trình giao thông Nt= 2,35%; Công trình xây dựng dân dụng Nt= 2,62%; Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Nt= 2,48%; Công trình hạ tầng kỹ thuật Nt= 2,21%).*

2. Chi phí hỗ trợ tư vấn lập hồ sơ xây dựng công trình

a) Chi phí khảo sát công trình (nếu có) được xác định theo khối lượng thực tế và đơn giá khảo sát xây dựng áp dụng theo các quy định hiện hành do UBND tỉnh ban hành.

b) Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình ($\mathbf{C_{QLDA}}$) gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế mẫu, lập dự toán xây dựng công trình. Chi phí thiết kế xây dựng áp dụng thiết kế mẫu xác định theo định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) nhân với chi phí xây dựng ($\mathbf{C_{XD}}$) (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được duyệt.

$$C_{tk} = C_{XD} * N_{tk}$$

Trong đó:

- C_{tk}: Chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình

- C_{XD}: Chi phí xây dựng công trình

- N_{tk}: Định mức chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng công trình, được quy định cụ thể như sau: *(công trình giao thông Ntk= 0,49%; công trình xây dựng dân dụng Ntk= 1,05%; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Ntk= 0,89%; công trình hạ tầng kỹ thuật Ntk= 0,75%).*

3. Chi phí khác

a. Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình: Xác định theo định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) nhân với tổng các chi phí bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng (C_{XD}) + Chi phí quản lý dự án (C_{QLDA}) + Chi phí hỗ trợ tư vấn lập hồ sơ xây dựng công trình (C_{TV}); trong tổng mức đầu tư được duyệt.

- Định mức chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình = **0,019%**

b. Chi phí thẩm tra hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành: Xác định theo định mức chi phí tỷ lệ phần trăm (%) nhân với tổng các chi phí bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng + Chi phí quản lý dự án + Chi phí hỗ trợ tư vấn lập hồ sơ xây dựng công trình; trong tổng mức đầu tư được duyệt.

- Định mức chi phí thẩm tra hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành = **0,95%**

4. Chi phí dự phòng (nếu có): Do chủ đầu tư tự cân đối theo tình hình thực tế nếu công trình dự kiến kéo dài thời gian đầu tư lớn hơn 01 năm.

Điều 7. Thẩm định hồ sơ xây dựng

Nội dung thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 8. Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

- Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ xây dựng công trình, Ban quản lý xã hoàn chỉnh hồ sơ và trình UBND xã phê duyệt.

- Chủ tịch UBND xã phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.

- Điều kiện về thời hạn phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hàng năm: Trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án (trừ các trường hợp có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

Điều 9. Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng

Nội dung thực hiện theo quy định tại Điều 7, Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 10. Tổ chức, giám sát thi công và nghiệm thu công trình

1. Tổ chức thi công

- Căn cứ hồ sơ xây dựng công trình được duyệt, hợp đồng ký kết giữa Ban quản lý xã và tổ, nhóm trúng thầu, kế hoạch giao vốn chi tiết cho dự án, ban quản lý xã tiến hành bàn giao mặt bằng để triển khai thi công.

- UBND huyện giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn của huyện cử cán bộ hỗ trợ Ban quản lý xã thực hiện công tác quản lý và giám sát quá trình thực hiện. Hỗ trợ các thủ tục liên quan đến tạm ứng và thanh quyết toán công trình. Hướng dẫn tổ, nhóm cộng đồng thi công đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Tham gia thành viên nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

- Ban quản lý xã (Chủ đầu tư): Cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến việc thi công gói thầu (bản vẽ thiết kế, mẫu hồ sơ, biên bản nghiệm thu, mẫu chứng từ thanh quyết toán.v.v). Cử cán bộ có chuyên môn phù hợp hỗ trợ tổ, nhóm cộng đồng thi công thực hiện công việc theo đúng yêu cầu về kỹ thuật quy định trong hồ sơ xây dựng công trình. Tổ chức nghiệm thu theo từng hạng mục thi công hoàn thành và nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng: Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định (tại chương VII, Điều 51, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Nghị định giám sát và đánh giá đầu tư). Tham gia trong thành phần nghiệm thu các hạng mục công trình và nghiệm thu hoàn thành công trình.

- Tổ, nhóm cộng đồng thi công: Phải cam kết tổ chức triển khai thi công đúng theo các điều khoản quy định trong hợp đồng với chủ đầu tư. Thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ, yêu cầu kỹ thuật theo đúng quy định trong hồ sơ xây dựng công trình.

- Trường hợp trong quá trình thi công có phát sinh tăng, giảm về khối lượng, hay những rủi ro khác có thể xảy ra: cần lập biên bản, báo cáo chủ đầu tư xem xét và quyết định.

2. Giám sát thi công

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng: Chịu trách nhiệm giám sát tiến độ và chất lượng thi công, tổng hợp các vấn đề sai phạm trong quá trình thi công (nếu có) để cùng bàn bạc với Ban quản lý xã và Nhà thầu cộng đồng khắc phục, xử lý.

- Người dân hưởng lợi: Người dân hưởng lợi (người dân sinh sống tại địa bàn có công trình xây dựng theo hợp đồng đấu thầu cộng đồng hoặc có lợi ích liên quan đến công trình đó) có thể giám sát tiến độ, chất lượng thi công công trình. Tất cả các thông tin thích hợp liên quan tới công trình, được thông báo công khai ở trụ sở UBND xã hoặc nơi công cộng của thôn bản nhằm tạo thuận lợi cho người dân thực hiện giám sát.

3. Nghiệm thu và bàn giao công trình

- Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu công trình, thành phần gồm: Đại diện UBND xã, Ban quản lý dự án xã, Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã; trưởng thôn, xóm có công trình, đại diện bên hưởng lợi, đại diện bên thi công công trình; có thể mời đại diện các bên có liên quan tham gia chứng kiến nghiệm thu.

- Công trình hoàn thành được bàn giao với điều kiện: Công trình đã được thực hiện như trong hợp đồng, chất lượng thực hiện công trình đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật trong hồ sơ xây dựng công trình.

- Các cam kết về bảo hành công trình; quy chế quản lý, vận hành và bảo trì công trình, kinh phí vận hành bảo trì của công trình (nếu có) v.v...

- Nhà thầu cộng đồng cam kết bảo hành công trình trong thời gian quy định (≥ 1 năm). Giá trị bảo lãnh bảo hành được hướng dẫn cụ thể trong hợp đồng.

Điều 11. Thanh toán vốn tại Kho bạc Nhà nước

Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu. Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

1. Thủ tục thanh toán

1.1. Mở tài khoản:

- Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

1.2. Hồ sơ tài liệu Chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán:

a) Hồ sơ gửi 1 lần (Tài liệu gửi đến Kho bạc Nhà nước phải là bản chính hoặc bản đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư), bao gồm:

- Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của UBND xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình;

- Hợp đồng thực hiện gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện tổ/nhóm cộng đồng, tổ chức đoàn thể, nhóm thợ.

b) Tạm ứng vốn:

Nguyên tắc tạm ứng, mức vốn tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

- Chỉ tạm ứng vốn đối với hợp đồng xây dựng để phục vụ mua vật liệu, máy thi công và chi trả nhân công. Đối với các hợp đồng khác và các khoản thanh toán không thông qua hợp đồng (như: chi phí quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự thực hiện và các công việc khác), không tạm ứng vốn, chỉ thanh toán một lần sau khi đã thanh toán xong hợp đồng xây dựng với tổ, nhóm cộng đồng.

- Mức vốn tạm ứng: Mức tạm ứng tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức tạm ứng theo hợp đồng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

- Hồ sơ tạm ứng vốn: Ngoài hồ sơ ban đầu gửi một lần, chủ đầu tư lập hồ sơ tạm ứng gửi đến Kho bạc Nhà nước gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (*tại phụ lục 04 kèm theo quy định này).*

+ Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

c) Thanh toán khối lượng hoàn thành.

c.1) Thanh toán khối lượng thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

- Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu (*tại phụ lục 02, 03 kèm theo quy định này).*

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (*tại phụ lục 04 kèm theo quy định này).*

+ Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

c.2) Thanh toán khối lượng thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm và các công việc khác).

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

+ Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư); Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (*tại phụ lục 04 kèm theo quy định này).*

+ Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

+ Đối với trường hợp Ban quản lý xã chưa đủ năng lực, UBND huyện, thành phố giao nhiệm vụ cho phòng chuyên môn cử cán bộ hỗ trợ cấp xã lập hồ sơ xây dựng công trình, thì Chủ đầu tư cần bổ sung thêm văn bản giao nhiệm vụ của UBND huyện, thành phố vào hồ sơ thanh toán.

c.3) Lưu giữ chứng từ (*Ngoài những chứng từ nộp kho bạc, chủ đầu tư cần lưu giữ những chứng từ sau)*:

- Đối với các giao dịch như: mua bán vật liệu thi công; mua sắm (hoặc thuê) máy móc, thiết bị thi công; nếu bên cung cấp là các tổ chức, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, sản xuất, cung ứng dịch vụ; trước khi thanh toán hợp đồng, chủ đầu tư cần yêu cầu bên bán hàng hóa, sản xuất, cung cấp dịch vụ: xuất hóa đơn tài chính đối với các giao dịch phù hợp với nội dung trong hợp đồng giao dịch.

- Đối với các giao dịch như: mua bán vật liệu thi công do người dân địa phương tự khai thác được; khi thanh toán, chủ đầu tư cần yêu cầu bổ sung giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của Trưởng thôn nơi bán, được UBND xã xác nhận, làm chứng từ thanh toán.

2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

2. Quyết toán dự án hoàn thành:

a) Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, kèm theo các văn bản

pháp lý liên quan theo Biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA hướng dẫn tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Quyết định này của UBND tỉnh Cao Bằng.

b) Thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn:

- Ban quản lý xã lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố thẩm tra.

- Chủ tịch UBND xã phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành đối với các công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước áp dụng cơ chế đặc thù do cấp xã quyết định đầu tư.

c) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành của Bộ Tài chính, quy định của UBND tỉnh Cao Bằng và các quy định khác (nếu có).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư là UBND xã, chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư trong phạm vi các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng thực hiện công trình, đơn giá và giá trị đề nghị thanh toán; chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 7, Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ; có trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng công trình phù hợp với hình thức đầu tư, hình thức quản lý dự án, hình thức giao thầu, quy mô và nguồn vốn đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định này. Cụ thể:

1. Lựa chọn các tổ nhóm cộng đồng, tổ chức đoàn thể có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện thi công xây dựng công trình; giao nhiệm vụ cho cán bộ có chuyên môn hỗ trợ các công việc tư vấn xây dựng khác.

2. Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, cho các tổ chức có liên quan biết để phối hợp thực hiện.

3. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của tổ, nhóm cộng đồng thi công xây dựng công trình so với đơn đăng ký thực hiện gói thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, năng lực, kinh nghiệm của tổ, nhóm cộng đồng thi công xây dựng công trình.

4. Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

a) Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình; thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng khi cần thiết;

b) Kiểm tra biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình của tổ, nhóm cộng đồng thi công xây dựng công trình;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát tổ, nhóm cộng đồng thi công xây dựng công trình triển khai công việc tại hiện trường;

d) Yêu cầu điều chỉnh khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

đ) Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu;

e) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công.

5. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.

7. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng.

8. Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

9. Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với tổ, nhóm thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn.

10. Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình và xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của quy định này.

11. Lập báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và gửi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết nội dung của Quy định này; chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn làm cơ sở cho các huyện, thành phố trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của toàn bộ danh mục dự án.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nội dung theo Quy định này.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; hướng dẫn thực hiện quyết toán đối với công trình thi công áp dụng theo Quy định này.

4. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định; không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu; không chịu trách nhiệm về tính chính xác của đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan biên soạn và trình UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các loại công trình áp dụng theo cơ chế này.

6. Các Sở, ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung công việc theo Quy định này

7. UBND các huyện, thành phố:

a) Có trách nhiệm hướng dẫn cấp xã xây dựng bản kế hoạch phù hợp với bản kế hoạch trung hạn về phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tổng hợp, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư toàn bộ danh mục công trình, trình cấp có thẩm quyền xem xét và phê duyệt chủ trương đầu tư.

b) Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho phòng, ban chuyên môn của huyện cử cán bộ có chuyên môn hỗ trợ cấp xã từ bước lập kế hoạch, lựa chọn đề xuất danh mục phù hợp, hỗ trợ khảo sát, lập dự toán; hỗ trợ cấp xã trong thẩm định hồ sơ xây dựng công trình (trường hợp xã không đủ năng lực) công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình; hướng dẫn, hỗ trợ xã tính giá vật liệu đến hiện trường xây dựng công trình; hướng dẫn Ban quản lý xã lựa chọn các loại vật liệu để đưa vào công trình xây dựng đảm bảo về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng theo quy định.

c) Hướng dẫn các xã phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thẩm tra quyết toán vốn công trình theo quy định.

8. UBND các xã, thị trấn:

a) Thẩm định hồ sơ xây dựng công trình (nếu đủ năng lực, trường hợp không đủ năng lực thì gửi văn bản đề nghị UBND huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn giúp thẩm định); căn cứ ý kiến thẩm định, UBND xã chỉ đạo hoàn thiện và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.

b) Thành lập Ban quản lý xã để giúp chủ đầu tư thực hiện các công trình được quy định tại văn bản này. Ban quản lý xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân và tài khoản riêng, sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch.

c) Ban quản lý xã có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định của nhà nước về quản lý nguồn vốn thực hiện đầu tư tại địa phương và thực hiện các

nhiệm vụ được quy định trong quyết định này. Phân công cán bộ có chuyên môn phù hợp, phối hợp với các bên liên quan hỗ trợ cấp xóm lựa chọn đề xuất danh mục ưu tiên phù hợp với các quy định của văn bản này; hỗ trợ khảo sát, lập dự toán; lựa chọn tổ, nhóm cộng đồng thi công; hỗ trợ quản lý thi công công trình và thanh toán, quyết toán vốn công trình.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, UBND xã phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục số 01

DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

UBND XÃ .....
BAN QUẢN LÝ XÃ ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 20 ...

DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ; Ban hành Nghị định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân tỉnh Cao Bằng; Ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày ../.../2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, về việc Ban hành quy định cơ chế thực hiện đầu tư công trình đặc thù theo Nghị định 161/2016/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, về ban hành hướng dẫn thiết kế điển hình một số loại công trình kỹ thuật đơn giản áp dụng trong thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản;
Căn cứ Quyết định số .....
.....

I. Ban quản lý xã lập dự toán đầu tư công trình như sau:

1. Tên công trình: .....
2. Chủ đầu tư: .....
3. Quy mô công trình: .....
4. Địa điểm xây dựng: .....
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật...., theo tiêu chuẩn...,...): .....
6. Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành:.....

7. Hình thức thi công: .....
8. Quy định về thanh quyết toán:.....
9. Tổng hợp chi phí xây dựng *(Kèm theo Biểu mẫu số 01/DT; Biểu mẫu số 02/DT)*:

Tổng mức đầu tư: ..... đồng *(chi tiết bảng kê dự toán)*

Trong đó: - Chi phí đầu tư xây dựng: .....đồng
+ Chi phí vật tư, vật liệu:.....đồng
+ Chi phí máy, thiết bị thủ công: ..... đồng
+ Chi phí nhân công: ..... đồng
- Chi phí hỗ trợ tư vấn đầu tư: ..... đồng
- Chi phí quản lý dự án: ..... đồng
- Chi phí khác: ..... đồng

II. Ban Quản lý xã ..... đề nghị như sau:

1. Nhà nước hỗ trợ: .....
2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân: ..... triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, vật liệu... thì ghi rõ và quy ra tiền), gồm: Nhân công, vật liệu thi công, máy thi công, tiền mặt...
3. Dự kiến mức huy động khác (nếu có):

Ban Quản lý xã ..... đề nghị Ủy ban nhân dân xã .....xem xét thẩm định và phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tổ thẩm định...;
- Lưu....

BAN QUẢN LÝ XÃ .....

Ghi chú về thông tin bảng tổng hợp chi phí xây dựng:

- (4) ở đây là định mức được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền (hoặc tương đương giá thị trường) về lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính -ĐVT (1km kênh mương, 1km đường giao thông; 1 công trình nhà văn hóa...);
- (5) là số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 3km đường, 2 km kênh, 5 cống...);
- (6) là khối lượng (VL, MTC, NC) = (4)(5);*
- (7) là đơn giá VL, MTC, NC được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền;
- (8) Tổng chi phí thành tiền = (6)(7)*

Biểu mẫu số 01/DT – đính kèm theo Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH:.....

TT	Các khoản chi phí	Cách tính	Chi phí trực tiếp	Ghi chú
I.	**Chi phí đầu tư xây dựng**	**Cxd = 1+2**	**Cxd**	
1	Chi phí bằng nguồn do nhà nước đầu tư; các nguồn vốn huy động khác: *a- Vật liệu* *b- Máy thi công* *c- Nhân công*	1= a+b+c		
2	Đóng góp của người dân *a- Vật liệu* *b- Máy thi công* *c- Nhân công*	2= a+b+c		
II.	**Chi phí quản lý dự án *(i)***	**Cqlda= Nt*Cxd**	**Cqlda**	
III.	**Chi phí tư vấn**	**Ctv= 1+2**	**Ctv**	
1	**Chi phí khảo sát (nếu có):** Lập dự toán chi phí khảo sát xây dựng theo quy định hiện hành hoặc giá thỏa thuận đảm bảo hợp lý và tiết kiệm (thấp hơn giá trong định mức đơn giá)			
2	Chi phí hỗ trợ lập hồ sơ xây dựng *(bao gồm: Lập hồ sơ xây dựng theo thiết kế mẫu, dự toán)*, không vượt quá các quy định: *(ii)*	$Cxd*N_{tk}$		
IV	**Chi phí khác**			
1	Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng CT (Do huyện thẩm định)	0,019%*(I+II+III)		
2	Chi phí thẩm tra – phê duyệt quyết toán CT	0,95%*(I+II+III)		
V	**TỔNG CỘNG**	**$C_{TMĐT}$=I+II+III+IV**	**$C_{TMĐT}$ < 5 tỷ đồng**	

Biểu mẫu số 02/DT – đính kèm theo Phụ lục số 01

DỰ TOÁN CHI TIẾT

CÔNG TRÌNH: .....

TT	Khoản mục chi	Đơn vị	Định mức (cho 1 ĐVT)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)			Thành tiền (1.000 đồng)			Ghi chú
						Tổng	NS	Dân góp	Tổng	NS	Dân góp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	**CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)**											
1	Xi măng											
2	Đá dăm											
3	Cát											
4	Thép											
5	Gạch											
6	Gỗ, ván khuôn											
	...											
B	**CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)**											
1	Máy trộn bê tông											
2	Máy đầm dùi											
3	Máy đầm bàn											
	...											
C	**CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)**											
1	Nhân công 3/7											
2	Nhân công 3,5/7											
3	Nhân công 4/7											
	.....											
D	**NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)**											
	TỔNG CỘNG											

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm 20...

Chủ đầu tư:

Nhà thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)				Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo hợp đồng	Thực hiện			
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng số:												

1. Giá trị hợp đồng:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ: .....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp hợp đồng do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện thì bên đại diện nhà thầu do người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ ký tên, không cần đóng dấu.

PHỤ LỤC SỐ 03

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Chủ đầu tư:

Nhà thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền			Ghi chú
			Tổng khối lượng phát sinh	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)				
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	.											
	Tổng số:											

1. Tổng giá trị khối lượng phát sinh:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
5. Thanh toán thu hồi tạm ứng:
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ: ..... (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

Ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp hợp đồng do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện thì bên đại diện nhà thầu do người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ ký tên, không cần đóng dấu.

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chủ đầu tư:.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Kho bạc nhà nước .....
Tên dự án, công trình: ..... Mã dự án đầu tư: .....
Chủ đầu tư/Ban QLDA ..... mã số ĐVSDNS: .....
Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước .....tại: .....
- Vốn ngoài nước .....tại.....
Căn cứ hợp đồng số: .....ngày.... tháng ....năm.. Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...
Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số... ngày .... tháng ...năm (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)
Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: .....đồng.
Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán ..... đồng.
Số tiền đề nghị:

Tạm ứng	Thanh toán

Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN;....)
Thuộc kế hoạch vốn: Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: .....
Bằng chữ: .....
Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): .....
+ Vốn trong nước .....
+ Vốn ngoài nước .....
- Thuế giá trị gia tăng
- Chuyển tiền bảo hành (bằng số) .....
- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số)
+ Vốn trong nước .....
+ Vốn ngoài nước .....
Tên đơn vị thụ hưởng .....
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng .....tại .....

Ngày .....tháng .....năm....

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư .....

Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
+ Mục..., tiểu mục			
+ Mục..., tiểu mục			
+ Mục..., tiểu mục			
+ Mục..., tiểu mục			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng			
Bằng chữ:			
Số từ chối:			
Lý do:			

Ghi chú: .....

.....

CÁN BỘ THANH TOÁN	TRƯỞNG PHÒNG	GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

PHỤ LỤC SỐ 05

HƯỚNG DẪN LẬP CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐỐI VỚI DỰ ÁN DO BAN QUẢN LÝ XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Biểu mẫu số 01/QTDA:

- Điểm 1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan:

Cột (2) tên văn bản: ghi theo trình tự thời gian của các văn bản liên quan đến toàn bộ quá trình, giai đoạn đầu tư của dự án, từ chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định phê duyệt thiết kế dự toán hoặc Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), Quyết định chỉ định thầu hoặc trúng thầu (nếu có), hồ sơ quyết toán hợp đồng, biên bản nghiệm thu; báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có); kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước và các hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra quyết toán.

- Điểm 2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

+ Cột (2) tên các nguồn vốn: ghi tất cả những nguồn vốn tham gia đầu tư vào dự án (nguồn nào không có thì không ghi);

+ Cột (3) ghi theo số liệu trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc trong quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

+ Cột (4) nguồn vốn đã thực hiện: ghi theo số liệu của bảng đối chiếu số liệu sử dụng nguồn vốn đầu tư (theo biểu mẫu số 02/QTDA).

+ Cột (5) chênh lệch tăng, giảm: số chênh lệch được tính = Cột (4) - Cột (3).

- Điểm 3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: là tổng cộng toàn bộ các chi phí của dự án đầu tư sau khi Chủ đầu tư đối chiếu, rà soát tất cả các bản quyết toán với từng nhà thầu tham gia thực hiện dự án đầu tư;

Vốn đầu tư đề nghị quyết toán được phân theo cơ cấu: xây dựng, thiết bị, chi phí khác để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Điểm 4: ghi giá trị chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản;

- Điểm 5: ghi tổng giá trị tài sản cố định được hình thành qua đầu tư;

- Điểm 6: ghi tổng giá trị tài sản lưu động (nếu có) của dự án đầu tư;

- Điểm 7. Tình hình thanh toán và công nợ của dự án

Ghi chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị thực hiện tương ứng với từng nội dung công việc, hợp đồng thực hiện.

Số phải trả = Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán - Đã thanh toán, tạm ứng

Số phải thu = Giá trị đã thanh toán, tạm ứng - Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán

Tài sản cố định và Tài sản lưu động được phân loại theo quy định hiện hành.

- Điểm 8: thuyết minh ngắn gọn, ghi các ý kiến nhận xét và những kiến nghị quan trọng.

2. Biểu mẫu số 02/QTDA:

- Điểm 1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán: tổng hợp toàn bộ số vốn đã thanh toán cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án tính đến ngày bàn giao, khóa sổ để lập báo cáo quyết toán.

+ Cột (3) do Chủ đầu tư ghi.

+ Cột (4) do Kho bạc Nhà nước (nơi Chủ đầu tư mở tài khoản) ghi (yêu cầu ghi đúng số vốn đã thanh toán cho dự án đầu tư trên sổ sách theo dõi).

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÃ.....

Biểu mẫu số: 01/QTDA

(Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN/HẠNG MỤC HOÀN THÀNH

Tên dự án đầu tư:

1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu có liên quan:

SỐ TT	TÊN VĂN BẢN	KÝ HIỆU, NGÀY THÁNG NĂM BAN HÀNH	CƠ QUAN BAN HÀNH	GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT (NẾU CÓ)	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1					
2					
...					

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng.

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	NGUỒN VỐN THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	NGUỒN VỐN ĐÃ THỰC HIỆN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI ĐƯỢC DUYỆT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
1	Ngân sách trung ương			
2	Trái phiếu Chính phủ			
3	Ngân sách cấp tỉnh, huyện hỗ trợ			
	Tổng cộng 1+2+3			

3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng.

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	TĂNG, GIẢM SO VỚI DỰ TOÁN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			
2	Chi phí xây dựng			
3	Chi phí thiết bị			
4	Chi phí quản lý dự án			
5	Chi phí tư vấn			
6	Chi phí khác			
	Tổng cộng			

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Giá trị tài sản cố định mới tăng:

6. Giá trị tài sản lưu động bàn giao:

7. Tình hình thanh toán và công nợ của dự án (Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị tính: đồng.

STT	TÊN CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC, HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN	GIÁ TRỊ ĐƯỢC A-B CHẤP NHẬN THANH TOÁN	ĐÃ THANH TOÁN, TẠM ỨNG	CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN	
					PHẢI TRẢ	PHẢI THU
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
3						
...						
	Tổng cộng					

8. Thuyết minh, nhận xét, kiến nghị:

...., ngày tháng năm....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO	**ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**	**CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Biểu mẫu số 02/QTDA

(Kèm theo Quyết định số...../2017 /QĐ-UBND ngày ... /8/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã:

Tên dự án đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	SỐ LIỆU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	SỐ LIỆU CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN	CHÊNH LỆCH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)-(4)
1	Ngân sách trung ương			
2	Trái phiếu Chính phủ			
3	Ngân sách cấp tỉnh, huyện hỗ trợ			
	Tổng cộng 1+2+3			

2. Nhận xét, kiến nghị: Ý kiến nhận xét, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cơ quan quản lý, thanh toán vốn đầu tư; nêu những nguyên nhân chênh lệch và kiến nghị xử lý (nếu có):

..., ngày tháng năm...

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

KẾ TOÁN	ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG	CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

...., ngày tháng năm....

CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN

KIỂM SOÁT, THANH TOÁN	GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*